SỬ DỤNG CÁC HOẠT ĐỘNG LẶP LẠI GIÚP CẢI THIỆN KHẢ NĂNG LƯU NHỚ TỪ VỰNG CHO NGƯỜI HỌC LỚN TUỔI MỚI BẮT ĐẦU

Nguyễn Minh Huệ*

ABSTRACT

It can not be denied that vocabulary plays a significant role in both language learning and language use. Nonetheless, most Vietnamese students consider the vocabulary retention as a difficult task in their English learning process due to different reasons. As a result, they meet many difficulties when communicating in English, both in the oral and written forms. Taking into account the stated facts, this study hopes to find out appropriate solutions that help to facilitate adult learners to retain their vocabulary.

Keywords: *vocabulary, repetition activities, vocabulary retention*

Received: 21/01/2022; Accepted: 24/01/2022; Published: 08/02/2022

1. Đặt vấn đề

Qua nhiều năm giảng dạy tiếng Anh cho người học lớn tuổi, tôi nhận thấy rằng khả năng lưu giữ từ vựng đối với họ quả là nhiều gian nan và cũng là điều khuyến khích người giáo viên mong muốn tìm ra cách thức hỗ trợ họ tối đa nhất có thể. Thực sự, vì nhiều nguyên nhân khác nhau như áp lực công việc, gia đình và vô số trách nhiệm khác nên phần lớn việc học chỉ diễn ra trên lớp. Họ không có thời gian để học lại từ vựng ở nhà nên việc quên từ là điều dễ hiểu. Chính vì vậy, nghiên cứu mong muốn gợi ý một số hoạt động lặp lại đơn giản nhằm giúp người học lớn tuổi ở trình độ mới bắt đầu có được hứng thú và cải thiện khả năng ghi nhớ từ của mình.

2. Nội dung và nghiên cứu

2.1. Định nghĩa về từ vựng và cần dạy những gì khi dạy từ vựng

Từ vựng là một lĩnh vực quan trọng trong việc học một ngoại ngữ và cũng có ý nghĩa lớn đối với các nhà nghiên cứu ngôn ngữ, các giáo viên và học viên. Lewis (1993:89) định nghĩa từ vựng có thể là các từ đơn lẻ hoặc câu hoàn chỉnh mà truyền tải ý nghĩa xã hội hoặc ý nghĩa dụng học cố định nào đó trong một phạm vi cộng đồng. Như vậy, từ vựng không chỉ là các từ độc lập mà còn là các từ ghép, phức hay là những đơn vị ngôn ngữ có nghĩa. Ur (1996) cũng có điểm thống nhất với Lewis, ông cho rằng khi chúng ta nghĩ về ngôn ngữ, chúng ta nghĩ tới điều đầu tiên là từ vựng – trọng tâm của ngôn ngữ. Chính nhờ việc sắp xếp các từ mà chúng ta tạo thành câu, hội thoại và diễn ngôn thuộc nhiều loại khác nhau.

Thực tế, trong khi học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, người học có thể nhận diện được từ khi nghe thấy chúng nhưng không thể viết chúng một cách chính xác và ngược lại. Nhiều người học thậm chí gặp khó khăn trong việc sử dụng đúng từ mà họ đang nghĩ tới. Do đó, Penny Ur (1996) cho rằng khi dạy từ vựng cho người học, cần giới thiệu một số khía cạnh cần thiết như phát âm, cách viết từ, biến đổi từ loại, cách dùng, các tổ hợp từ, cũng như các ý nghĩa của từ. Tuy nhiên, khía cạnh nào nên được tập trung hơn trong quá trình dạy và học còn tùy thuộc vào từ vựng đó được học phục vụ cho các kỹ năng tiếp thu (đọc, nghe) hay kỹ năng phái sinh (nói, viết), theo Nation (1990).

2.2. Vai trò của từ vựng trong việc tiếp thụ ngoại ngữ

Từ vựng là cốt lõi của tiếng Anh khi giao tiếp: Từ vựng chính là "nguồn căn gốc rễ" của mọi vấn đề. Muốn giao tiếp mạch lạc và nắm bắt được những thông tin cần thiết với đối phương thì từ vựng chính là điều bạn cần phải nắm chắc. Chỉ khi bạn sở hữu một vốn từ dồi dào và phong phú, thì văn nói của bạn mới có thể trở nên tự nhiên, trôi chảy.

Trong quá trình giao tiếp, người đọc hay người nghe hầu như chỉ chú ý đến nội dung mà người nói muốn thể hiện ra hơn là ngữ pháp và câu cú. Bởi lẽ, kể cả khi bạn nắm chắc các cấu trúc ngữ pháp, nhưng vốn từ lại hạn hẹp thì cũng không thể nào đúng truyền tải đúng nội dung mà mình muốn truyền đạt đến đối phương.

Từ vựng là trung tâm của ngôn ngữ và có vai trò

* ThS. Khoa Tiếng Anh, ĐHNN-ĐHQGHN

quan trọng đối với người học ngôn ngữ. Đó là yếu tố dựng xây một ngôn ngữ vì nó gọi tên các vật thể, hành động, ý tưởng mà không có nó chúng ta không thể truyền tải được các ý nghĩa mong muốn. Mc Cathy (2002:2) ngay trong phần đầu của cuốn sách về từ vựng đã cho rằng thành phần đơn lẻ lớn nhất của bất kỳ khóa học ngôn ngữ nào là từ vựng. Bất chấp sinh viên học giỏi ngữ pháp, phát âm thành công tới đâu mà không có từ vựng để diễn tả đa dạng ý nghĩa thì việc giao tiếp ở ngôn ngữ thứ hai không thể thực hiện hiệu quả. Nếu một người có đủ vốn từ vựng thì anh ta sẽ cảm thấy tự tin hơn khi nói chuyện với người khác cũng như thể hiện quan điểm về những điều cụ thể cũng như trừu tượng ở cả dạng nói và viết. Như vậy, từ vựng có một vai trò quan trọng trong việc tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai và nó là một phần thiết yếu của ngôn ngữ, như Wilkins (1972:111) nhấn mạnh rằng không có ngữ pháp sẽ truyền tải được rất ít ý nghĩa, nhưng không có từ vựng thì không thể diễn đạt điều gì.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới việc lưu giữ từ vựng

Khi bàn về các yếu tố ảnh hưởng tới việc ghi nhớ từ vựng, các nhà lý thuyết học và nghiên cứu bày tỏ các ý kiến có phần khác nhau, tuy nhiên có thể khái quát bốn loại yếu tố có tác động lớn tới việc lưu giữ từ vựng.

Đầu tiên là trí nhớ. Bất kể ai khi học điều gì đều mong muốn lưu giữ những thứ học được ở trí nhớ dài hạn. Peet (2003:3) phân chia 3 loại trí nhớ: tạm thời, ngắn hạn và dài hạn. Trí nhớ tạm thời nói tới khả năng ghi nhớ một số lượng thông tin hạn chế chỉ trong một vài giây, cho các nhiệm vụ tức thời mà không cần xử lý như nhớ một số điện thoại một lúc để bấm gọi luôn số đó, hoặc nhớ một từ để sau đó nhắc lại luôn. Trí nhớ ngắn hạn lưu giữ thông tin qua một thời gian ngắn, là một quá trình xử lý có kiểm soát mà người học có thể khôi phục được các kiến thức mới. Ruth Gairn và Stuart Redman (1999) cho rằng trí nhớ ngắn hạn có dung lượng hạn chế. Ngược lại, trí nhớ dài hạn dường như là vô tận và có thể lưu trữ bất kỳ lượng thông tin mới nào. Đây được xem như một quá trình xử lý tự động đảm bảo việc khôi phục không cần nhiều nỗ lực. Từ các quan điểm này, việc học từ mới bao hàm việc lưu giữ ở trí nhớ ngắn hạn và sau đó là trí nhớ dài hạn, dựa trên qui tắc nhìn, nghe, cảm nhận, nói, do vậy sau khi giới thiệu một từ vựng cho người học, từ vựng đó cần xuất hiện lặp lại trong các ngữ cảnh khác nhau, có thể ở dạng hình ảnh hoặc âm thanh để người học dần dần lĩnh hội được. Các hoạt động và tài liệu học tập nên được thiết kế có hệ thống để giúp người học dễ dàng lưu giữ thông tin mới vào trí nhớ dài hạn của mình.

Tiếp đó là các chiến thuật học tập – các hành động, hành vi, cách thức và kỹ thuật cụ thể của người học giúp cải thiện sự tiến bộ trong việc phát triển các kỹ năng ngôn ngữ thứ hai. Đây là nhân tố quyết định giúp việc ghi nhớ từ vựng hiệu quả. Cohen và Aphek (1981) dạy các sinh viên Do thái nhớ từ vựng bằng cách tạo ra các liên hệ theo cặp và nhận thấy rằng người tạo được các cặp liên hệ nhớ từ vựng hiệu quả hơn người khác. Vì vậy, người học cần biết các chiến lược học tập phù hợp và tốt nhất đối với họ trong một tình huống cụ thể. Với các người học lớn tuổi, việc hướng dẫn từ vựng trực tiếp là cần thiết vì họ không thể nắm bắt một lượng từ lớn qua việc nghe nói đọc viết có ý nghĩa. Họ cần được dạy rõ ràng cách thức cải thiện vốn từ bằng các chiến thuật phù hợp hơn là để họ tự học từ theo các riêng của mình (theo Brown và Perry 1991)

Yếu tố thứ ba ảnh hưởng tới việc lưu giữ từ vựng đó là hoàn cảnh học tập – môi trường văn hóa, xã hội, chính trị nơi hoạt động học diễn ra. Nó có thể bao gồm cả nhu cầu của người học, nội dung học, tài liệu dạy và học, các hoạt động trên lớp, các dữ liệu ngôn ngữ... Theo Krashen (1982), ngôn ngữ thứ hai được tiếp thụ thành công khi các điều kiện học tập cũng tương tự như đối với ngôn ngữ thứ nhất. Người học tiếp thụ và lưu giữ từ vựng thông qua nghe, nhìn và nói các từ đó nhiều lần trong các hoàn cảnh khác nhau, và tạo ra các thông điệp giao tiếp. Steele (2005) làm rõ rằng từ vựng được học bởi các cá nhân nhưng được thông qua các nhiệm vụ trình bày, cá nhân hóa đáng nhớ, do đó cách thức giới thiệu từ vựng và thiết kế các hoạt động thực hành trên lớp đóng vai trò quan trọng giúp người học ghi nhớ từ nhất là khi họ không có môi trường ngôn ngữ thuận lợi ngoài lớp học.

Cuối cùng là các yếu tố liên quan tới từ vựng như việc phát âm, độ dài, sự đa nghĩa hay tính thành ngữ của từ... cũng tác động không nhỏ tới việc ghi nhớ từ. Thường là người học biết một nghĩa của một từ đa nghĩa hoặc từ đồng âm và coi đó là nghĩa duy nhất của từ mặc dù trong văn cảnh nhất định nào đó, nó mang nét nghĩa khác.

Như vậy, bốn nhóm yếu tố (trí nhớ, chiến lược học tập, hoàn cảnh học tập và yếu tố liên quan tới từ vựng) tồn tại cùng nhau và có tác động lớn tới việc ghi nhớ từ vựng khi học ngôn ngữ thứ hai. Người giáo viên cần cân nhắc và phân tích tỉ mỉ các yếu tố này để có nội dung dạy và phương pháp dạy phù hợp.

2.4. Một số hoạt động lặp/nhắc lại giúp nâng cao

khả năng nhớ từ vựng

Người học càng tiếp xúc nhiều với một từ thì họ càng hiểu và nắm bắt từ đó tốt hơn. Rõ ràng, hoạt động lặp lại là cần thiết cho việc học từ, vì người học không chỉ biết một từ mà còn phải biết rõ, sở hữu từ đó để có thể dùng nó thuần thục.

a) Về các kiểu lặp lại: bao gồm việc lặp lại thường xuyên (dành một khoảng thời gian liên tục, có thể là 15 phút làm cho người học chú ý tới một từ) và lặp lại có khoảng cách (thời gian lặp lại dài hơn nhưng không tăng thời gian học từ đó, ví dụ hiện tại học một từ trong 3 phút, vài giờ sau học lại trong 3 phút, một ngày sau 3 phút, hai ngày sau và một tuần sau cũng 3 phút. Việc lặp lại có khoảng cách như vậy giúp cho việc nhớ từ lâu dài và có hiệu quả khi ôn tập lại một từ đúng vào thời điểm nó sắp bị quên). Theo Nation (2001:80), có nhiều hoạt động sử dụng chiến thuật lặp lại như sử dụng thẻ từ, lặp lại từ mới trong các bài tập nghe nói đọc viết. Harmer (2003:45) cũng cho rằng thủ thuật lặp lại có tác dụng hơn đối với người học mới bắt đầu.

b) Về khoảng cách lặp lại: Khoảng cách lặp lại phù hợp giúp người học dễ dàng tiếp cận được các từ đã học trong một khoảng thời gian dài, cải thiện sự nhớ sâu và hạn chế sự mệt mỏi, chán nản. Nhiều nhà nghiên cứu như Seibert (1927), Anderson và Jordan (1982) phần lớn sự quên xảy ra ngay sau lần học đầu tiên, và theo thời gian, tốc độ quên chậm lại. Do đó, họ gợi ý rằng việc lặp lại các từ mới học nên diễn ra ngay sau khi chúng được học, trước khi việc quên xảy ra. Sau đó việc lặp lại cần khoảng cách xa nhau hơn. Qui tắc chung có thể thấy việc học càng lâu thì việc quên càng chậm. Đó là do quá trình quên ban đầu diễn ra rất nhanh và sau đó chậm lại. Ở lần nhắc lại thứ hai, các từ đã học trở nên cũ hơn lần nhắc lại thứ nhất và việc quên ở lần nhắc lại thứ hai chậm hơn, và ở lần nhắc lại thứ ba nó chậm hơn nữa. Do đó, người dạy cần tạo cho người học những hoạt động nhắc lại từ vựng có khoảng cách để giúp họ lưu giữ từ lâu hơn.

c) Số lần lặp lại: Kachroo (1962) nhận thấy rằng phần lớn người học nhớ các từ được lặp lại 7 lần hoặc nhiều hơn trong giáo trình của ông. Crothers và Suppes (1967) cũng cho rằng phần lớn các đơn vị từ trong các thử nghiệm về học từ vựng của mình được ghi nhớ sau 6 hoặc 7 lần lặp lại. Tinkham (1993), cũng như nhiều nhà nghiên cứu khác, nhận thấy người học rất khác nhau ở thời gian và số lần lặp lại cần thiết cho việc học. Phần lớn người học cần 5 đến 7 lần lặp lại để học một nhóm 6 cặp từ **có** quan hệ với nhau, và một số người cần tới hơn 20 lần lặp lại.

Như vậy, việc thực hành nhiều lần sẽ có hiệu quả đối với việc ghi nhớ từ. Các nghiên cứu ở trên cũng chỉ ra rằng việc lặp lại có tác dụng cải thiện trí nhớ dài hạn. Thực tế, một người có thể cần 6 tới 20 lần lặp lại để biến một từ thành của mình. Điều ngạc nhiên hơn là việc lặp lại một từ khi mình tin là đã sở hữu được nó có thể làm nhân đôi hiệu quả học tập và giảm khả năng quên từ trong tương lai.

3. Kết Luận

Nghiên cứu đã bàn tới một số hoạt động lặp lại giúp cải thiện khả năng ghi nhớ từ vựng đối với người học lớn tuổi mới bắt đầu. Số lần, khoảng cách nhắc lại và sự đa dạng của các hoạt động là các vấn đề người dạy cần lưu tâm để giúp người học nâng cao khả năng nhớ từ, đồng thời làm giảm sự buồn chán, mệt mỏi khi học từ.

Tài liệu tham khảo

1. Brown, J.G and Perry, F.L. (1991). *A Comparision of Three Learning Strategies for ESL Vocabulary Acquisition*. TESOL Quarterly, 25, 65-70.

2. Gairns, R and Redman, S. (1986). *Working with Words – A Guide to Teaching and Learning Vocabulary*. Cambridge: Cambridge University Press.

3. Gairns, R and Redman, S. (1999). *Working with Words*. Cambridge: Cambridge University Press.

4. Harmer, J. (2003). *The Practice of English Language Teaching* (3rd ed). Harlow: Longman.

5. Krashen, S.D. (1982). *Principles and Practice in Second Language Acquisition*. New York: Prentice Hall.

6. Lewis, M. (1993). *Practical Techniques for Language Teaching*. Hove : Language Teaching Publications.

7. McCathy, M. (2002). *Discourse Analysis for Language Teachers*. Shanghai : Shanghai Foreign Language Education Press.

8. Nation, I.S.P. (1990). Teaching and Learning Vocabulary. New York : Heinle and Heinle.

9. Nation, I.S.P. (2001). Learning Vocabulary in Another Language. CUP.

10. Peet, K. (2003). Teaching Vocabulary to L2 Learners. Retrieved December 10th, 2009 from http://www.developingteachers.com.

12. Ur, P. (1996). *A Course in Language Teaching*. Cambridge: CUP.

13. Wilkins, D. (1972). *Linguistic in Language Teaching*. London: Edward Arnold.